

Bản án số: 122/2020/DS-ST

Ngày: 30/9/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vương Đăng Khoa**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Tiến Lợi**

Ông **Nguyễn Hữu Trọng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:
Bà **Triệu Thị Hồng** - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 09 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án 45/2020/TLST- DS ngày 20/3/2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản bảo đảm*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2020/QĐST - DS ngày 28/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2020/QĐST-DS ngày 14/9/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T; Trụ sở chính: 191 B, phường L, quận H, Tp. Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông **Hồ Hùng A** – Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Phạm Thị N** - Giám đốc xử lý nợ; Bà N ủy quyền lại cho ông **Đỗ Gia L** – Cán bộ xử lý nợ (Có mặt).

- Bị đơn: Ông **Phạm Văn N**, sinh năm 1971 và bà **Trần Thị C**, sinh năm 1976; HKTT và nơi cư trú: Đội 6, Thôn Đồi 03, xã Đ, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Đàm Xuân T**, sinh năm 1970; Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1973 (vợ ông T); Anh **Đàm Quang T1**, sinh năm 1994 (con ông T); Anh **Đàm Quang V**, sinh năm 2004 (con ông T); Chị **Đào Thị Ngân G**, sinh năm 1995 (vợ anh T1) (Vắng mặt).

Ông Đàm Xuân H, sinh năm 1973 (em ông T); Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1984 (vợ ông H) (Vắng mặt).

Đều có HKTT và nơi cư trú: Phố G, xã Đ, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai - Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn- trình bày:

Ngân hàng T và ông Phạm Văn N, bà Trần Thị C đã ký các Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 41708/HĐTD/TH-TN/TCB-TTB ngày 04/04/2011 và khế ước nhận nợ, cam kết trả nợ số 41708 ngày 04/04/2011 với nội dung như sau:

- | | |
|----------------------------------|--|
| + Số tiền vay: | 900.000.000 VNĐ (Chín trăm triệu đồng |
| + Mục đích vay: | chăn); |
| + Thời hạn vay: | Vay tiêu dùng thế chấp bất động sản; |
| + Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng: | 180 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; |
| + Lãi suất vay: | 04/04/2026; |

Lãi suất vay áp dụng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 30/06/2011 là: 21%/năm đối với các khoản vay bằng VND của Bên nhận nợ; Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay của Bên nhận nợ cho thời gian tiếp theo: Đối với các khoản vay của Bên nhận nợ bằng VND: lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng/1 lần vào các ngày đầu quý và bằng lãi suất huy động tiết kiệm thường 12 tháng loại trả sau của NH – Hội sở/Chi nhánh HO tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 6,5%/năm, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được quy định bởi Ngân hàng tại từng thời kỳ theo từng đối tượng khách hàng, tương ứng thời điểm thay đổi lãi suất.

Tài sản bảo đảm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hợp pháp đối với thửa đất số 73, tờ bản đồ số 40; diện tích 566 m² (Năm trăm sáu mươi sáu mét vuông); hình thức sử dụng: riêng 566 m²; mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn 200 m² (Hai trăm mét vuông), đất trồng cây lâu năm khác 366 m² (Ba trăm sáu mươi sáu mét vuông); thời gian sử dụng: đất ở tại nông thôn: lâu dài, đất trồng cây lâu năm khác: đến tháng 06/2058; tại địa chỉ: Phố G, xã Đ, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 907562, số vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00267, do UBND huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội cấp ngày 04/03/2011; Hợp đồng thế chấp số công chứng 1729.2011/HĐTC-TCB ngày 31/3/2011 tại Văn phòng Công chứng Thăng Long, thành phố Hà Nội, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 01/4/2011.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Phạm Văn N và bà Trần Thị C đã trả NH T: 212.021.277 đồng, trong đó: Nợ gốc đã trả: **45.000.000 đồng**; Nợ lãi đã trả: **167.021.277 đồng**.

NH khởi kiện đề nghị giải quyết các vấn đề sau:

1. Buộc ông Phạm Văn N, bà Trần Thị C thanh toán cho NH số tiền: **2.587.503.720 đồng**, bao gồm 855.000.000 đồng nợ gốc và 1.732.503.720 đồng nợ lãi (*tạm tính đến hết ngày 04/08/2018*) và các khoản nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 41708/HĐTD/TH-TN/TCB-TTB ngày 04/04/2011 kể từ ngày 05/08/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ;

2. Buộc ông Phạm Văn N, bà Trần Thị C phải trả cho Ngân hàng số tiền phạt vi phạm Hợp đồng bằng 1% giá trị của hợp đồng theo quy định tại điểm 13.3.5 khoản 13.3 Điều 13 của Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn trị giá 9.000.000 đồng;

3. Kể từ ngày Quyết định/bản án có hiệu lực pháp luật, ông Phạm Văn N và bà Trần Thị C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì NH có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho NH, tài sản bảo đảm bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hợp pháp đối với thửa đất số 73, tờ bản đồ số 40; diện tích 566 m²; địa chỉ: Phố G, xã Đ, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 907562, số vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00267, do UBND huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội cấp ngày 04/03/2011; Hợp đồng thế chấp số công chứng 1729.2011/HĐTC-TCB ngày 31/3/2011 tại Văn phòng Công chứng Thăng Long, thành phố Hà Nội, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 01/4/2011.

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Chín, ông N đối với NH. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Chín, ông N vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho NH.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Phạm Văn N trình bày:

Tôi xác nhận có ký kết Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 41708/HĐTD/TH-TN/TCB-TTB ngày 04/04/2011 với NH T, số tiền vay và đã giải ngân là 900.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hợp pháp đối với thửa đất số 73, tờ bản đồ số 40; diện tích 566 m² (Năm trăm sáu mươi sáu mét vuông); hình thức sử dụng: riêng 566 m²; mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn 200 m² (Hai trăm mét vuông), đất trồng cây lâu năm khác 366 m² (Ba trăm sáu mươi sáu mét vuông); thời gian sử dụng: đất ở tại nông thôn: lâu dài, đất trồng cây lâu năm

khác: đến tháng 06/2058; tại địa chỉ: Phố G, xã Đ, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 907562, số vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00267, do UBND huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội cấp ngày 04/03/2011 cho hộ ông Đàm Xuân T.

Nay Ngân hàng khởi kiện, gia đình tôi sẽ có trách nhiệm trả nợ và hợp tác với Ngân hàng giải quyết theo quy định, đề nghị Ngân hàng giãn thời gian trả nợ sang năm sau để gia đình tôi có điều kiện thu xếp trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Đàm Xuân T, ông Đàm Xuân H trình bày:

Ông T, ông H xác nhận có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với NH T. Tài sản bảo đảm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hợp pháp đối với thửa đất số 73, tờ bản đồ số 40; diện tích 566 m², tại địa chỉ: Phố G, xã Đ, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 907562, số vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00267, do UBND huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội cấp ngày 04/03/2011 cho hộ ông Đàm Xuân T.

Nay Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, tôi và gia đình đề nghị ông N phải có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng để gia đình tôi lấy lại sổ đỏ, đề nghị Ngân hàng cho gia đình ông N giãn nợ thêm 2 năm để có điều kiện trả nợ.

Tại phiên tòa, Ngân hàng T rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông N, bà C trả phạt vi phạm hợp đồng là 9.000.000 đồng, không yêu cầu ông N, bà C chín trả số tiền lãi phạt chưa trả tính đến ngày 14/9/2020 là 1.100.277.279 đồng trong số tiền lãi quá hạn chưa trả và tiền lãi phạt phát sinh sau ngày 14/9/2020.

Ngân hàng T yêu cầu ông Phạm Văn N, bà Trần Thị C phải trả Ngân hàng T số tiền còn nợ tính đến ngày **30/9/2020 là 2.271.049.630 đồng** (trong đó gốc **855.000.000 đồng**, lãi trong hạn 842.266.452 đồng; lãi quá hạn: 573.783.178 đồng).

Buộc ông Phạm Văn N, bà Trần Thị C phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày 01/10/2020 đối với số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

Trường hợp ông N, bà C không trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Chương Mỹ thể hiện quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T, buộc ông Phạm Văn N, bà Trần Thị C phải thanh toán trả Ngân hàng T theo Hợp đồng tín dụng số tiền còn nợ tính đến ngày **30/9/2020** là **2.271.049.630 đồng** (trong đó gốc **855.000.000 đồng**, lãi trong hạn 842.266.452 đồng; lãi quá hạn: 573.783.178 đồng).

Buộc ông Phạm Văn N, bà Trần Thị C phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày 01/10/2020 đối với số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

Trường hợp ông N, bà C không trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Ngân hàng T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ đối với ông Phạm Văn N, bà Trần Thị C. Hiện ông N, bà C có HKTT tại Đội 6, Thôn Đồi 03, xã Đ, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về áp dụng luật nội dung: Thời điểm giao kết Hợp đồng tín dụng là ngày 04/4/2011, nên cần phải áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết tranh chấp.

[1.3]. Về sự vắng mặt của bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bị đơn – bà C và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4]. Tại phiên tòa, Ngân hàng T rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông N, bà C trả phạt vi phạm hợp đồng là 9.000.000 đồng, không yêu cầu ông N, bà C trả số tiền lãi phạt chưa trả tính đến ngày 14/9/2020 là 1.100.277.279 đồng trong số tiền lãi quá hạn chưa trả và tiền lãi phạt phát sinh sau ngày 14/9/2020.

Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là tự nguyện, do đó đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

2. Về nội dung:

[2.1]. Xét tính pháp lý của Hợp đồng tín dụng.

Ngân hàng T đã ký kết Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 41708/HĐTD/TH-TN/TCB-TTB ngày 04/04/2011 với ông Phạm Văn N, bà Trần Thị C, cụ thể như sau: Số tiền vay và đã giải ngân: **900.000.000** đồng; mục đích vay: Tiêu dùng thế chấp bất động sản.

Xét tính pháp lý của Hợp đồng tín dụng trên được các bên cùng xác nhận ký kết trên cơ sở tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với các Điều 290, 343, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực thi hành.

Bị đơn – ông N xác nhận việc sử dụng Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 41708/HĐTD/TH-TN/TCB-TTB ngày 04/04/2011 như Ngân hàng T trình bày. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay – ông N, bà C đã nhận đủ tiền vay nhưng vi phạm điều khoản cam kết về thời hạn trả nợ tiền vay nên Ngân hàng T yêu cầu ông N, bà C phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Đây là căn cứ pháp lý buộc bên vay là ông N, bà C phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng T số tiền còn nợ Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 41708/HĐTD/TH-TN/TCB-TTB ngày 04/04/2011 tính đến ngày **30/9/2020** là **2.271.049.630 đồng** (trong đó gốc **855.000.000 đồng**, lãi trong hạn 842.266.452 đồng; lãi quá hạn: 573.783.178 đồng).

Ông Phạm Văn N, bà Trần Thị C phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày 01/10/2020 đối với tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán xong, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

[2.4]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của Hợp đồng tín dụng:

Biện pháp bảo đảm được thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp số công chứng 1729.2011/HĐTC-TCB ngày 31/3/2011 tại Văn phòng Công chứng Thăng Long, thành phố Hà Nội, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 01/4/2011.

Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hợp pháp đối với thửa đất số 73, tờ bản đồ số 40; tại địa chỉ: Phố G, xã Đ, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 907562, số vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00267, do UBND huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội cấp ngày 04/03/2011 cho hộ ông Đàm Xuân T.

Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết và công chứng tại Văn phòng công chứng Hà Đông là đúng quy định tại Điều 343 Bộ luật dân sự năm 2005 về “*Hình thức thế chấp tài sản*”, Điều 167 Luật Đất đai năm 2013 về “*quyền thế chấp quyền sử dụng đất*” và Điều 168 Luật Đất đai năm 2013 về “*Thời điểm thực hiện các quyền của người sử dụng đất*”. Do đó thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký giữa các bên có hiệu lực pháp luật để thi hành. Yêu cầu của phía nguyên đơn

đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp phía bị đơn không trả được các khoản nợ là có căn cứ để chấp nhận.

[3] .Về nghĩa vụ chịu án phí:

- Bị đơn ông N, bà C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn trả Ngân hàng T tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 290,343, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 167, 168 Luật Đất đai năm 2013; Điều 91, 95,98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26,điểm b khoản 2 Điều 227,Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 điều 147, điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T .

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T về việc yêu cầu ông N, bà C trả phạt vi phạm hợp đồng là 9.000.000 đồng, trả số tiền lãi phạt chưa trả tính đến ngày 14/9/2020 là 1.100.277.279 đồng trong số tiền lãi quá hạn chưa trả và tiền lãi phạt phát sinh sau ngày 14/9/2020.

3. Buộc ông Phạm Văn N, bà Trần Thị C phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 41708/HĐTD/TH-TN/TCB-TTB ngày 04/04/2011 tổng số tiền tính đến ngày **30/9/2020 là 2.271.049.630 đồng** (trong đó gốc **855.000.000 đồng**, lãi trong hạn 842.266.452 đồng; lãi quá hạn: 573.783.178 đồng).

Ông Phạm Văn N, bà Trần Thị C phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày **01/10/2020** đối với số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 41708/HĐTD/TH-TN/TCB-TTB ngày 04/04/2011 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp ông Phạm Văn N, bà Trần Thị C trả xong khoản nợ trên cho Ngân hàng T thì Ngân hàng T sẽ làm thủ tục giải chấp tài sản thế chấp.

4. Trong trường hợp ông Phạm Văn N, bà Trần Thị C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hợp pháp đối với thửa đất số 73, tờ bản đồ số 40, tại địa chỉ: Phố G, xã Đ, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài

sản khác gắn liền với đất số BD 907562, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00267, do UBND huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội cấp ngày 04/03/2011 cho hộ ông Đàm Xuân T. Hợp đồng thế chấp số công chứng 1729.2011/HĐTC-TCB ngày 31/3/2011 tại Văn phòng Công chứng Thăng Long, thành phố Hà Nội.

Toàn bộ số tiền từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông N, bà Chín đối với NH. Nếu số tiền từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông N, bà Chín vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng.

5. Án phí: Ông Phạm Văn N, bà Trần Thị C phải nộp **77.420.993 đồng** án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả NH T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 41.000.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0004659 ngày 19/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm; Người đại diện của nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- THA huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Lu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà

Vương Đăng Khoa

